

Số: **33** 2017-QĐ-UBND

Quang Trị, ngày **23** tháng **11** năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và tiền nước để phục vụ các mục đích không phải sản xuất lương thực trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2011;*

*Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 280/TTr-SNN ngày 16/11/2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và tiền nước để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

a) Doanh nghiệp nhà nước thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức hợp tác dùng nước có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan quản lý khai thác công trình thủy lợi;

c) Cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý khai thác công trình thủy lợi.

### **Điều 3. Một số quy định chung**

1. Về khu vực: Khu vực miền núi và đồng bằng theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 về việc ban hành giá các loại đất định kỳ 5 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Những trường hợp gọi là cấp nước tạo nguồn:

a) Dùng biện pháp công trình hồ chứa, đập dâng (kể cả đập ngăn mặn) trên các sông, suối tạo nguồn nước để cấp nước trực tiếp đến công trình đầu mối thuộc hệ thống công trình thủy lợi của đơn vị quản lý thủy nông khác sử dụng.

b) Dùng biện pháp động lực lấy nước từ sông, suối chuyển đến công trình đầu mối thuộc hệ thống công trình thủy lợi của đơn vị quản lý thủy nông khác sử dụng.

c) Cấp nước từ kênh tưới đô trực tiếp vào công trình đầu mối thuộc hệ thống công trình thủy lợi của đơn vị quản lý thủy nông khác sử dụng. Nguồn nước hồi quy từ công trình thủy lợi này đổ vào đầu mối công trình thủy lợi khác để tưới tiêu.

d) Công trình đê bao ngăn mặn, giữ ngọt, giữ nước hồi quy và các nguồn nước khác đổ vào vùng có tuyến đê.

3. Những trường hợp gọi là sử dụng nước tạo nguồn:

a) Dùng biện pháp động lực lấy nước trực tiếp từ trong lòng hồ chứa, thượng lưu của các đập dâng của đơn vị quản lý thủy nông khác để tưới, tiêu.

b) Dùng biện pháp động lực hoặc trọng lực (trừ kênh dẫn) lấy nước từ kênh tưới, vùng được ngăn mặn, giữ ngọt do đơn vị quản lý thủy nông khác để tưới, tiêu.

4. Cổng đầu kênh là công trình cấp nước tưới cho một diện tích hương lợi nhất định thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị cấp nước đầu mối.

5. Hệ thống kênh nội đồng là những tuyến kênh dẫn nước từ sau cổng đầu kênh, phân phối nước trực tiếp hoặc gián tiếp qua kênh cấp dưới để tưới đến mặt ruộng.

### **Điều 4. Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và mức thu tiền nước để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực**

1. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi áp dụng đối với từng biện pháp tưới, tiêu, từng vùng và được tính ở vị trí cổng đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là giá không có thuế giá trị gia tăng.

a) Đối với đất trồng lúa:

Trường hợp tưới, tiêu chủ động:

TT	Biện pháp công trình	Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (đồng/ha/vụ)	
		Các huyện miền núi	Các huyện đồng bằng
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.811.000	1.409.000
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267.000	986.000
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539.000	1.197.000

Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá tính bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá tính bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá tính bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá tính bằng 70% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực.

Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

Trường hợp phải tách riêng mức thu cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

b) Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kê ca cây vụ Đông thì mức giá tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

2. Mức giá tiền nước để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Giá tính theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh công
1	Cấp nước dùng sản xuất công nghiệp, tiêu công nghiệp	đồng/m <sup>3</sup>	1.800	900
2	Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi	đồng/m <sup>3</sup>	1.320	900
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m <sup>3</sup>	1.020	840
4	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m <sup>3</sup>	840	600
		đồng.m <sup>2</sup> mật thoáng/năm	250	

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Giá tính theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh công
5	Nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi Nuôi cá bè	% Giá trị sản lượng	5%	
			6%	
6	Vận tải qua âu thuyền, cống của hệ thống thủy lợi: - Thuyền, sà lan - Các loại bè	đồng/tấn/lượt	7.200	
		đồng/m <sup>2</sup> /lượt	1.800	
7	Sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	8%	
8	Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân golf, casino, nhà hàng)	Tổng giá trị doanh thu	10%	

### 3. Giá dịch vụ thủy lợi nội đồng:

Mức giá dịch vụ thủy lợi nội đồng là mức giá mà tổ chức, cá nhân sử dụng nước phải trả cho tổ chức hợp tác dùng nước để chi trả cho công tác quản lý, bảo vệ công trình; nạo vét, sửa chữa hệ thống kênh nội đồng từ sau cống đầu kênh đến mặt ruộng.

Mức giá tối đa là 750.000 đồng/ha/vụ.

Trong trường hợp đặc biệt, đối với những khu vực cuối kênh khó tưới, yêu cầu dẫn nước cao hoặc số lượng kênh mương nội đồng nhiều, để đảm bảo chi phí cho công tác duy tu, bảo dưỡng kênh mương, tùy từng địa bàn hoặc công trình thủy lợi, có thể nâng mức giá dịch vụ thủy lợi nội đồng nhưng không vượt quá 1,5 lần theo mức giá tối đa nêu trên.

Mức giá dịch vụ thủy lợi nội đồng nêu trên là giá không có thuế giá trị gia tăng.

### **Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, giá nước và giá dịch vụ thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về quy định giá và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thủy nông thực hiện việc niêm yết giá; quản lý, theo dõi việc áp dụng mức giá theo đúng quy định; phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh xử lý vi phạm trong việc áp dụng, thực hiện quy định giá.

3. Cục Thuê tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thủy nông quản lý, sử dụng hóa đơn theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Triển khai thực hiện, áp dụng giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, giá nước và giá dịch vụ thủy lợi nội đồng trên địa bàn theo đúng quy định này.

Kiểm tra, rà soát diện tích và xác nhận diện tích sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được nhà nước cấp bù trong bảng kê do đơn vị quản lý thủy nông lập.

Tổng hợp dự toán sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được nhà nước cấp bù; kiểm tra, rà soát và gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trong dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm.

5. Các đơn vị thủy nông

a) Thực hiện niêm yết giá, công khai mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; giá tiền nước; giá dịch vụ thủy lợi nội đồng theo mức giá dịch vụ tại quy định nêu trên và tổ chức thu theo đúng giá niêm yết.

b) Cung cấp đầy đủ hóa đơn cho người sử dụng sản phẩm, dịch vụ theo quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

c) Sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật thì phần còn lại được để lại đơn vị sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2017 và thay thế Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành mức thu thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *l.k*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ: NN&PTNT, Tài chính;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Cục KT văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Quảng Trị;
- Đài PTTH Quảng Trị;
- Trung tâm Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH *TC*



**Nguyễn Đức Chính**